

## CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM DANH MỤC NHÓM TÀI SẢN BÊN TRONG ĐƯỢC BẢO HIỂM

*Đơn vị tiền tệ: VNĐ*

| Chương trình:                                                                                                     | Chương trình 01                                         | Chương trình 02                                         | Chương trình 03                                         | Chương trình 04                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Số tiền bảo hiểm:                                                                                                 | 150.000.000                                             | 300.000.000                                             | 500.000.000                                             | 800.000.000                                              |
| <b>Giới hạn trách nhiệm tối đa đối với mỗi hạng mục bảo hiểm</b>                                                  |                                                         |                                                         |                                                         |                                                          |
| <b>1. Đồ gia dụng</b>                                                                                             |                                                         |                                                         |                                                         |                                                          |
| Tivi                                                                                                              | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/tivi             | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/tivi             | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/tivi             | 100.000.000,<br>không quá<br>50.000.000/tivi             |
| Đầu thu kỹ thuật số, đầu DVD, VCD, đầu phát HD                                                                    | 10.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/thiết bị          | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị         | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị         | 50.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị          |
| Thiết bị âm thanh (dàn âm thanh, loa, đài caset, đầu CD, Ampli)                                                   | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị hoặc bộ | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị hoặc bộ | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị hoặc bộ | 100.000.000,<br>không quá<br>50.000.000/thiết bị hoặc bộ |
| Điều hòa                                                                                                          | 15.000.000,<br>không quá<br>8.000.000/thiết bị          | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị         | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị         | 100.000.000,<br>không quá<br>30.000.000/thiết bị         |
| Quạt điện (treo tường, quạt trần, quạt cây, quạt bàn)                                                             | 10.000.000,<br>không quá<br>3.000.000/thiết bị          | 20.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/thiết bị          | 30.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị         | 50.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị          |
| Tủ lạnh, cây nước nóng lạnh                                                                                       | 15.000.000,<br>không quá<br>8.000.000/thiết bị          | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị         | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị         | 100.000.000,<br>không quá<br>50.000.000/thiết bị         |
| Thiết bị nhà bếp (Bếp Gas/ điện/ từ/ hồng ngoại, lò vi sóng, lò nướng, nồi cơm điện, nồi hâm điện, phích điện...) | 20.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/thiết bị          | 30.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị         | 40.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị         | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị          |
| Máy giặt, máy sấy quần áo                                                                                         | 10.000.000                                              | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị         | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị         | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị          |

|                                                                 |                                                      |                                                      |                                                       |                                                       |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Máy nước nóng,<br>Máy lọc nước                                  | 5.000.000                                            | 10.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/thiết bị       | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/thiết bị       | 30.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị       |
| Máy vi tính (để<br>bàn, xách tay để<br>trong nhà)               | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/tivi          | 30.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/thiết bị      | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/thiết bị       | 100.000.000,<br>không quá<br>50.000.000/thiết bị      |
| Máy scan/máy<br>fax/máy in                                      | Không bảo hiểm                                       | 5.000.000,<br>không quá<br>3.000.000/thiết bị        | 10.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/thiết bị        | 15.000.000,<br>không quá<br>8.000.000/thiết bị        |
| <b>2. Đồ gỗ nội thất và/hoặc kết sắt</b>                        |                                                      |                                                      |                                                       |                                                       |
| Bộ bàn ghế (phòng<br>khách, phòng ăn,<br>bàn ghế học tập)       | 20.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/Bộ bàn<br>ghế | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/Bộ bàn<br>ghế | 100.000.000,<br>không quá<br>30.000.000/Bộ bàn<br>ghế | 200.000.000,<br>không quá<br>50.000.000/Bộ bàn<br>ghế |
| Tủ gỗ, tủ kính, tủ<br>sách, tủ sắt, tủ bếp,<br>tủ đựng giày dép | 30.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/tủ             | 50.000.000,<br>không quá<br>10.000.000/tủ            | 100.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/tủ            | 150.000.000,<br>không quá<br>30.000.000/tủ            |
| Giường ngủ                                                      | 15.000.000,<br>không quá<br>5.000.000/giường         | 40.000.000,<br>không quá<br>15.000.000/giường        | 50.000.000,<br>không quá<br>20.000.000/giường         | 100.000.000,<br>không quá<br>30.000.000/giường        |
| Kết sắt                                                         | 2.000.000                                            | 3.000.000                                            | 5.000.000                                             | 10.000.000                                            |